

Hà Nội, ngày 11 tháng 2 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 11 đến 20/2/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

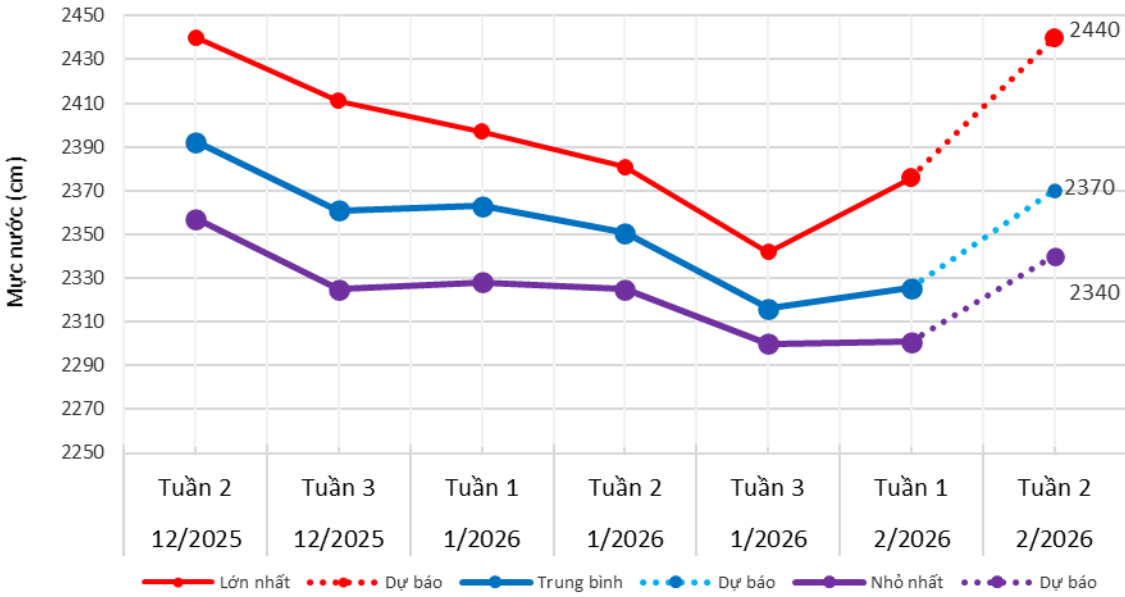
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 10 ngày qua, trên sông Thao mực nước biến đổi chậm trong thời kỳ đầu, sau biến đổi theo xu thế lên.
- Sông Lô: Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội có dao động do các hồ chứa tăng cường phát điện phục vụ lấy nước gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026, khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ đợt 02 từ ngày 29/1 đến ngày 04/02/2026, sau thời kỳ này mực nước biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

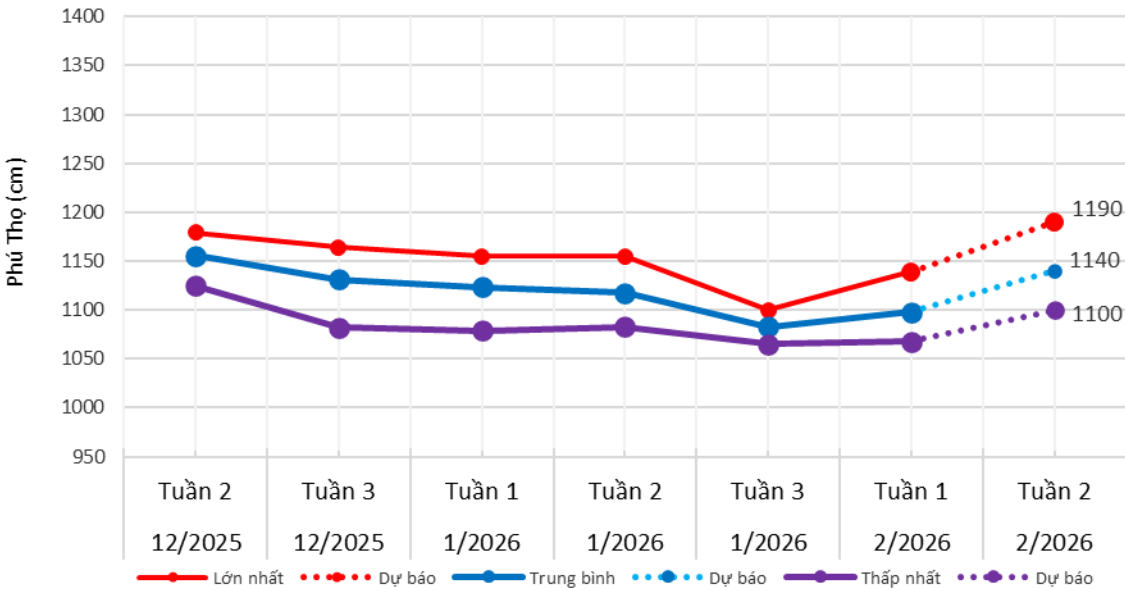
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước sẽ biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

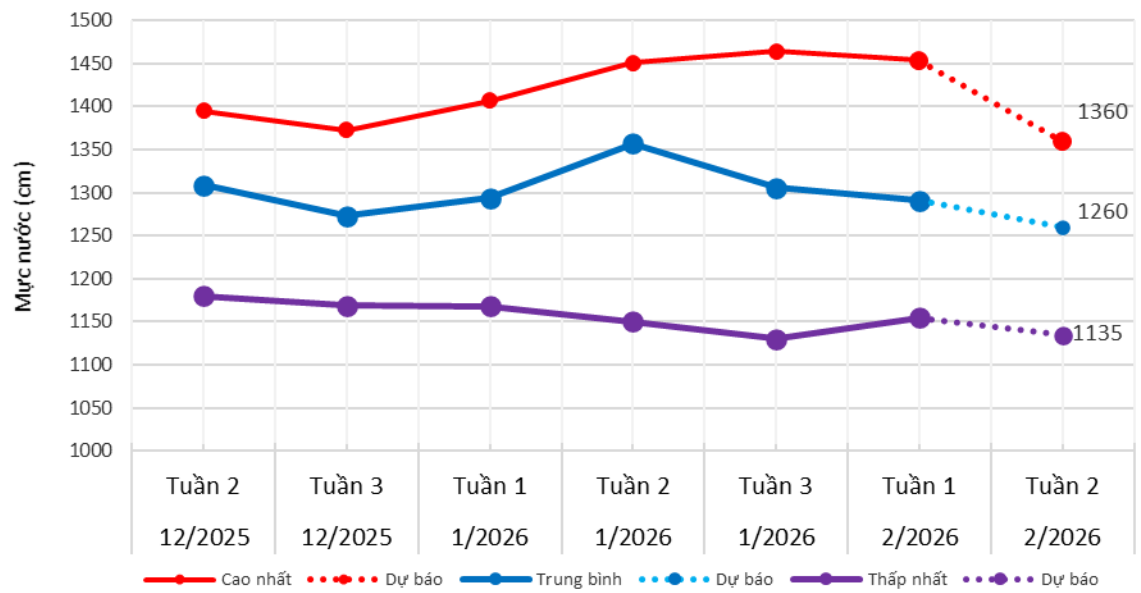
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



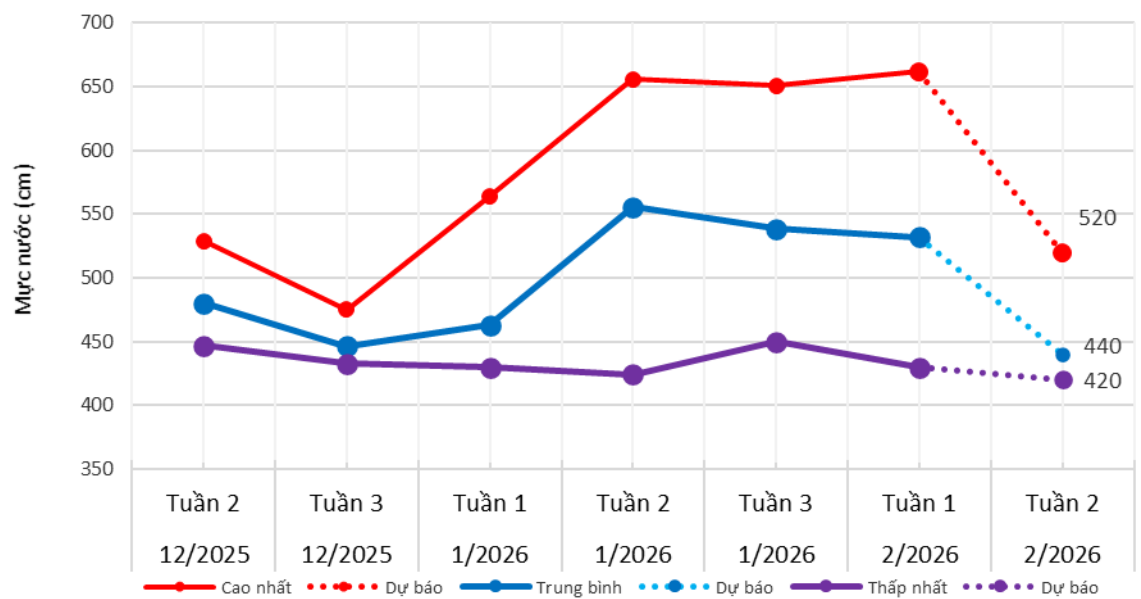
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)

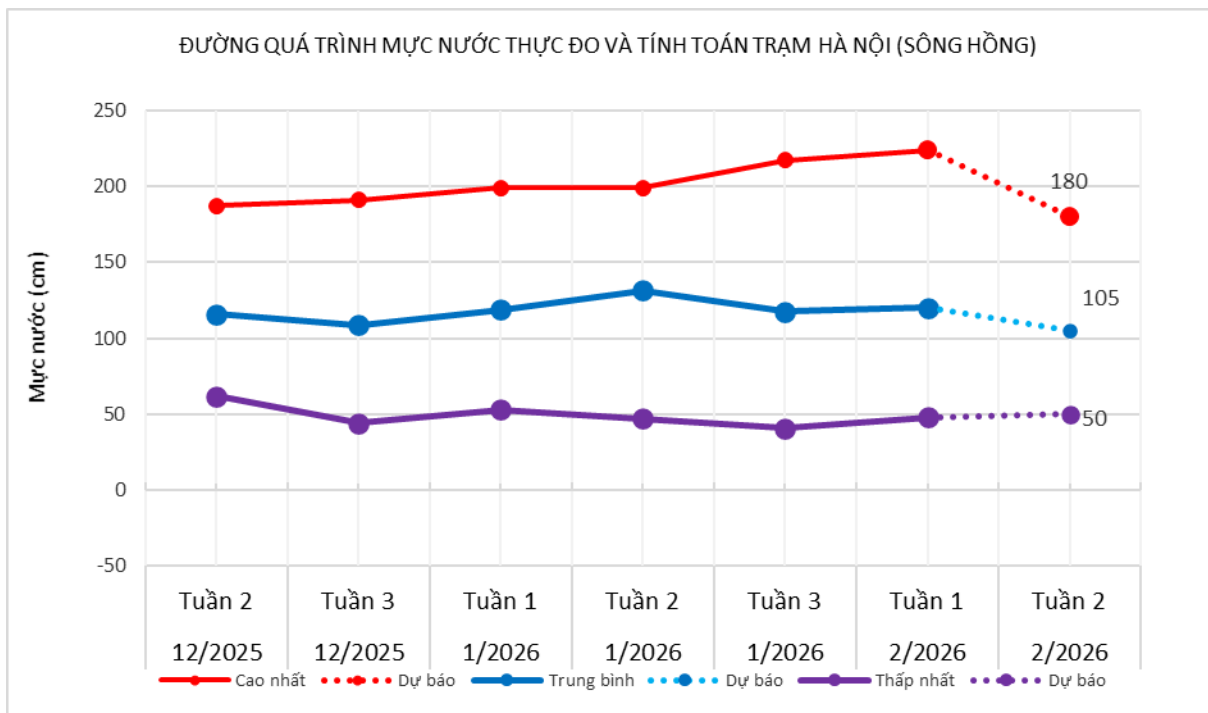
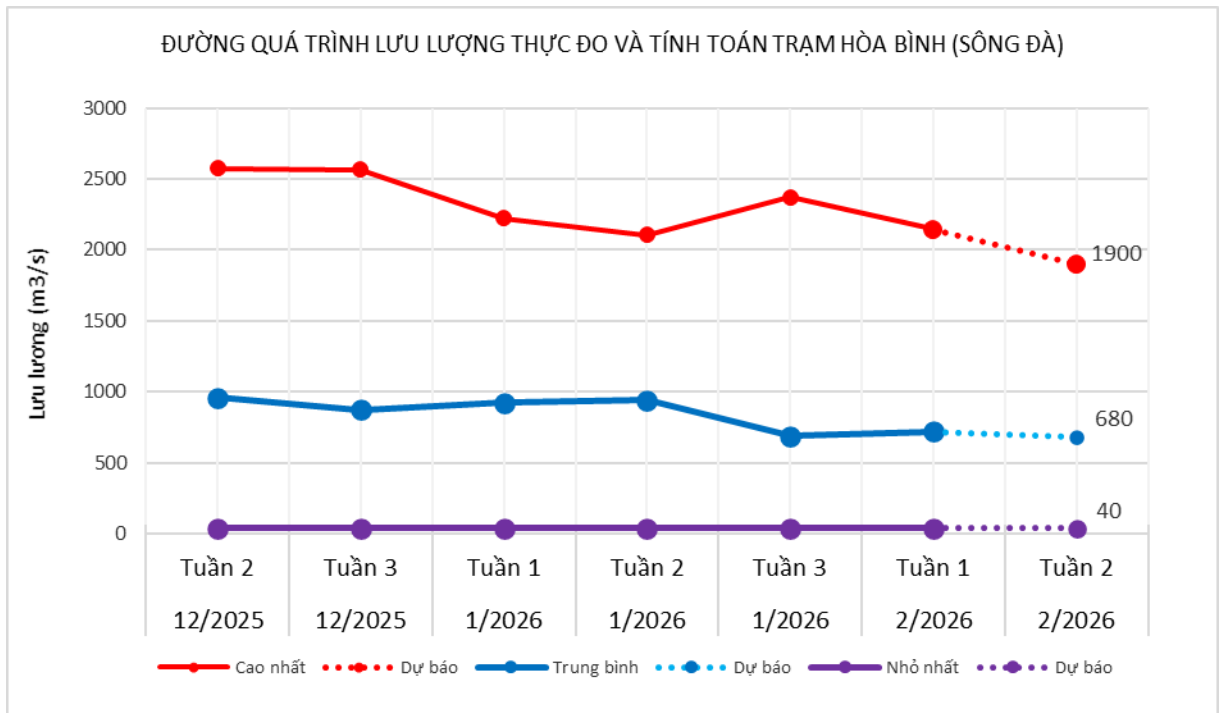


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)





2. Lưu vực sông Thái Bình

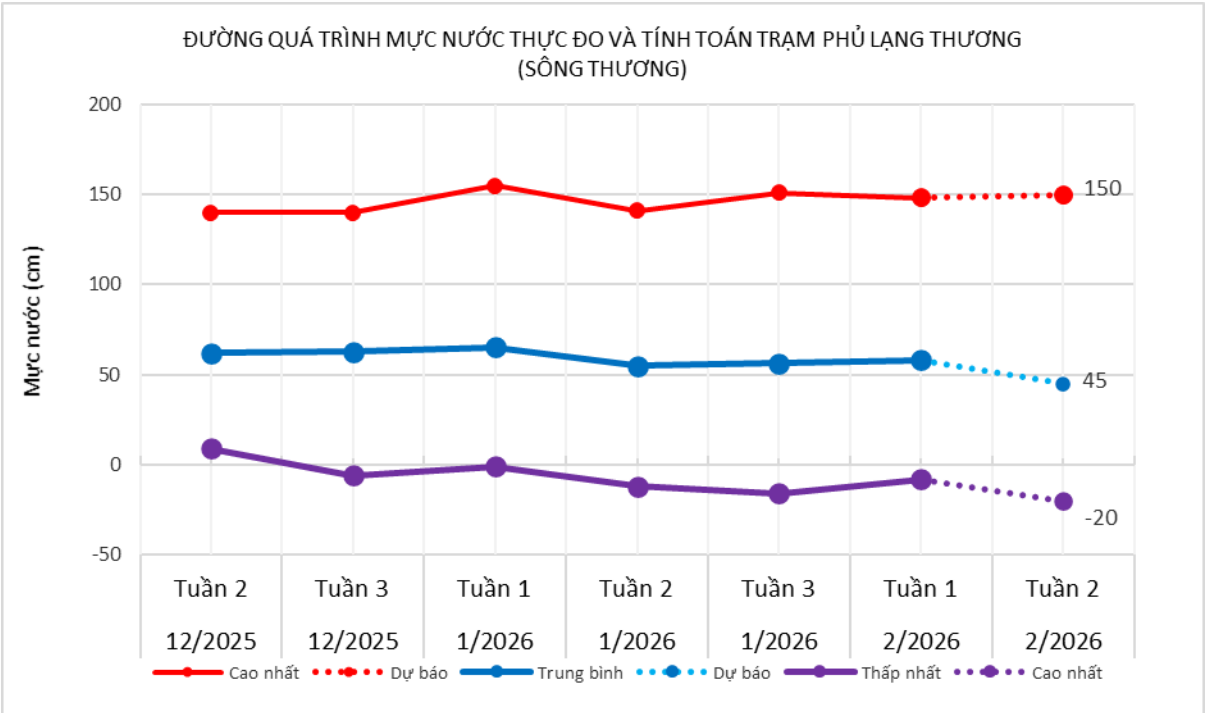
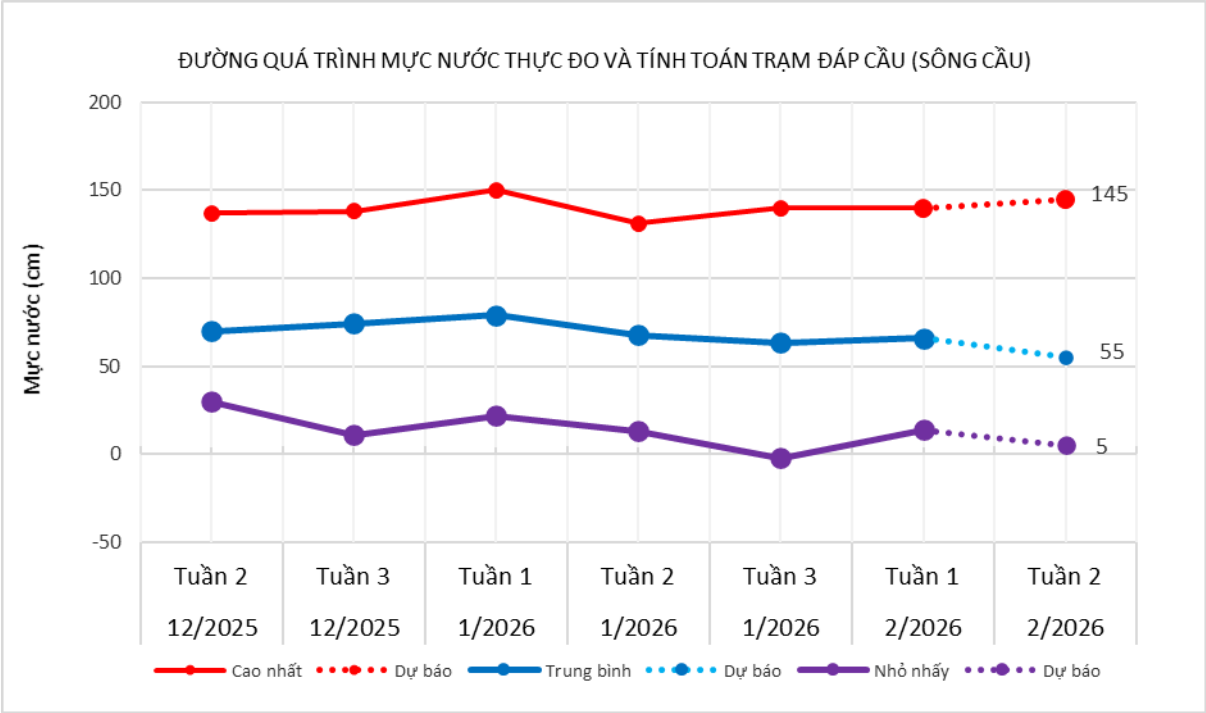
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

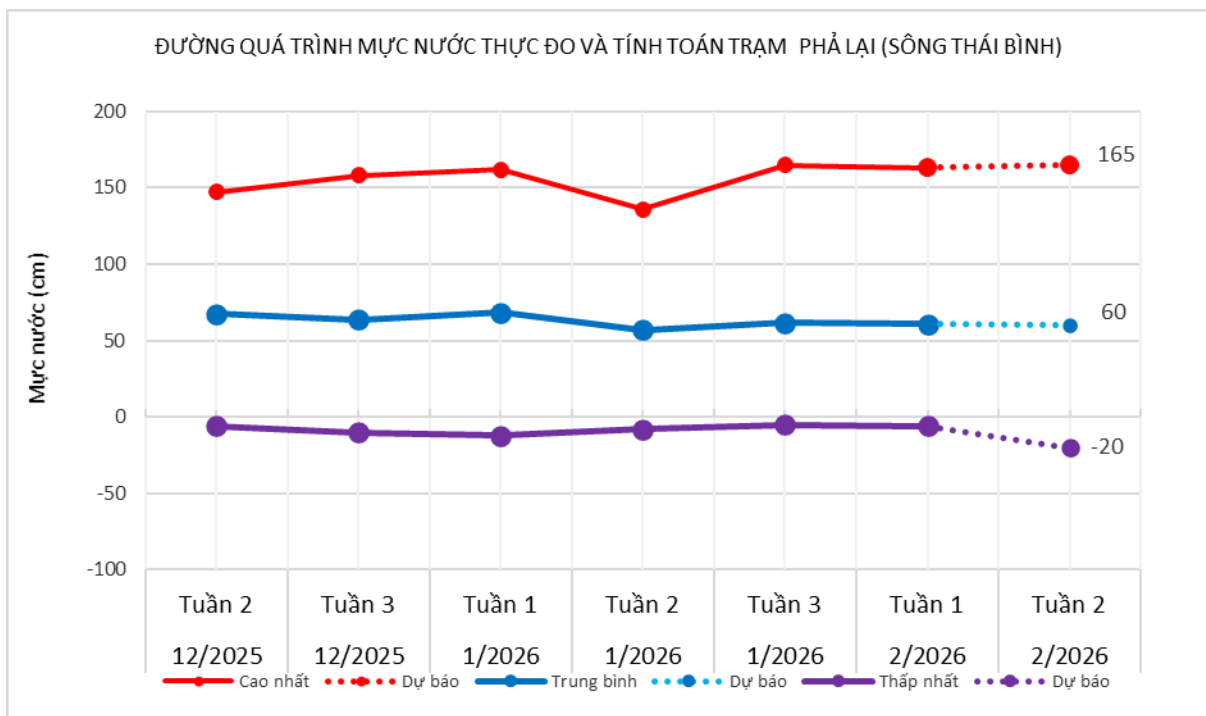
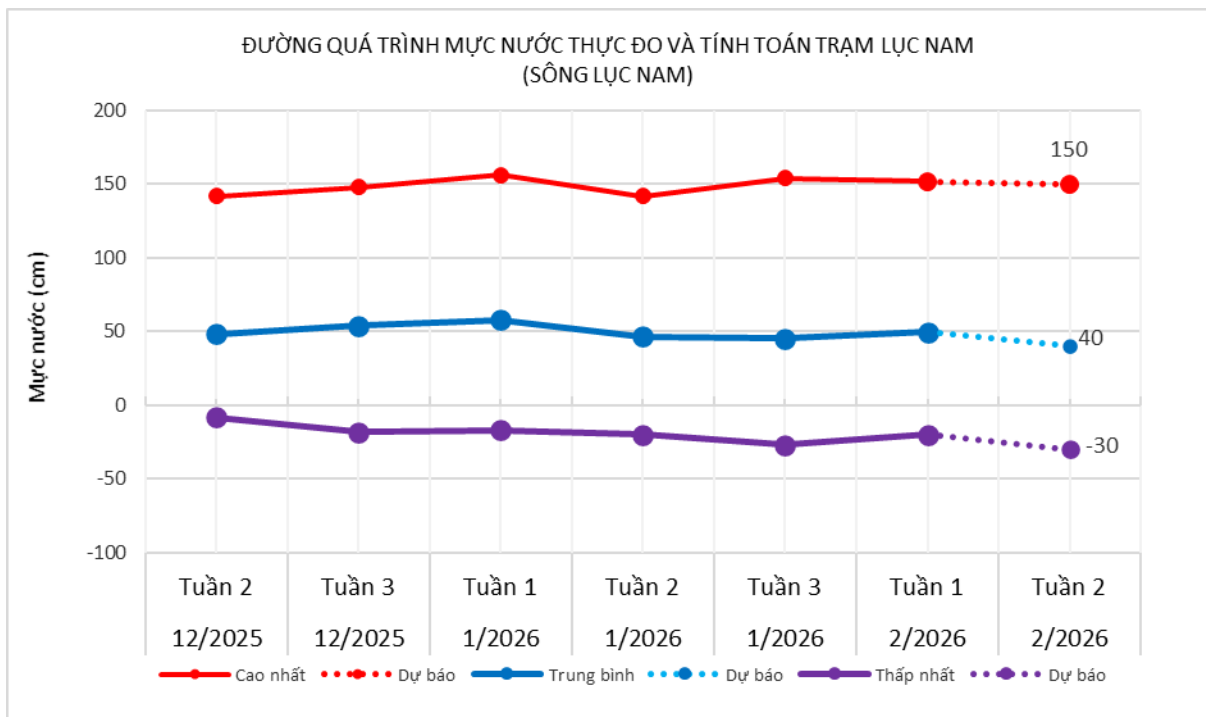
- Trong 10 ngày qua, trên thượng lưu và trung lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong 10 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy

triều. Mức nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

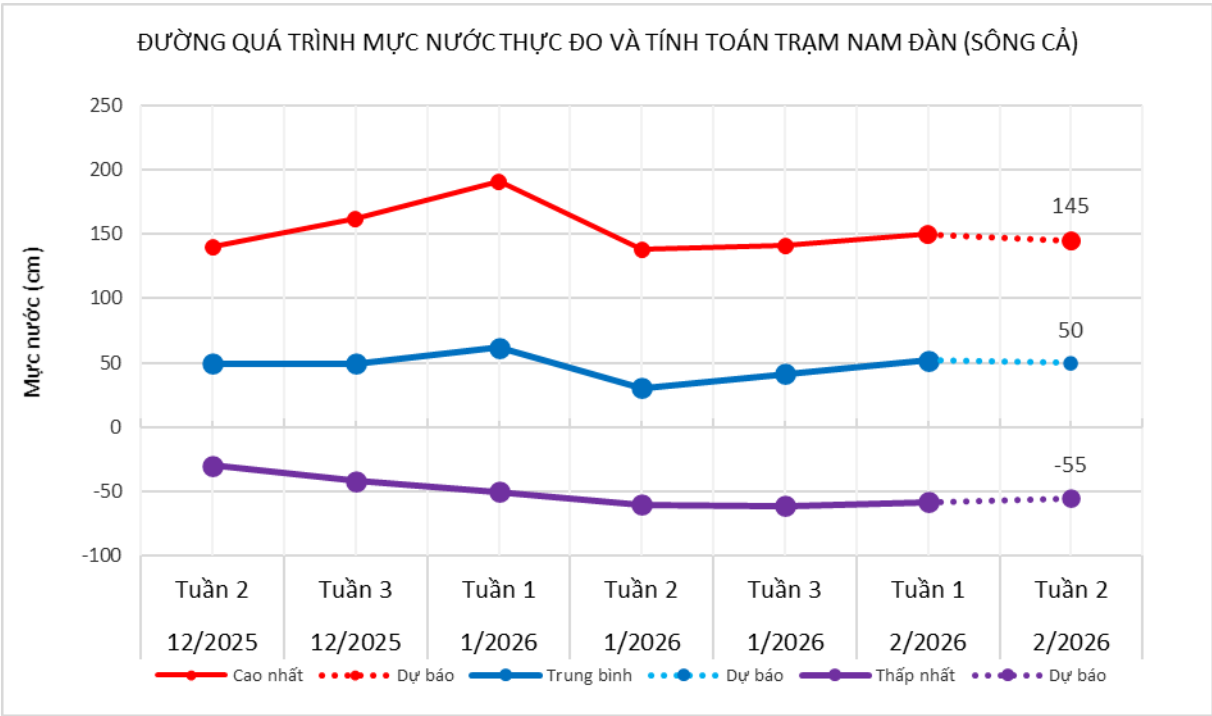
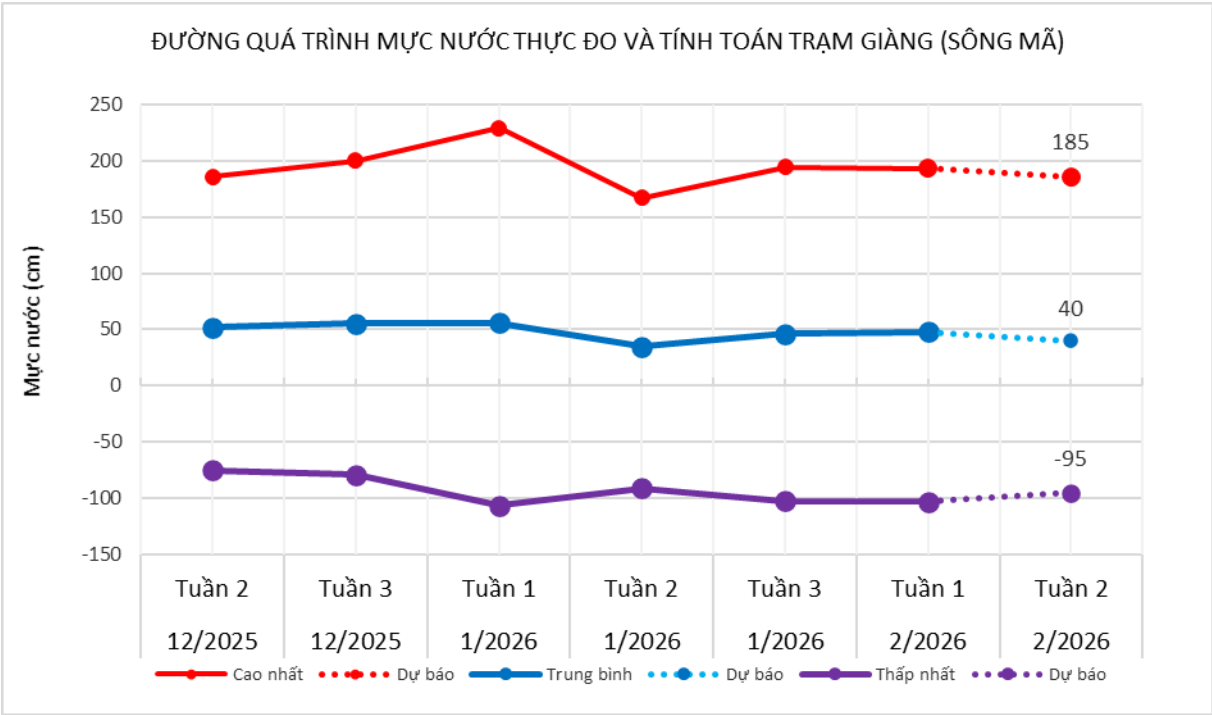
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

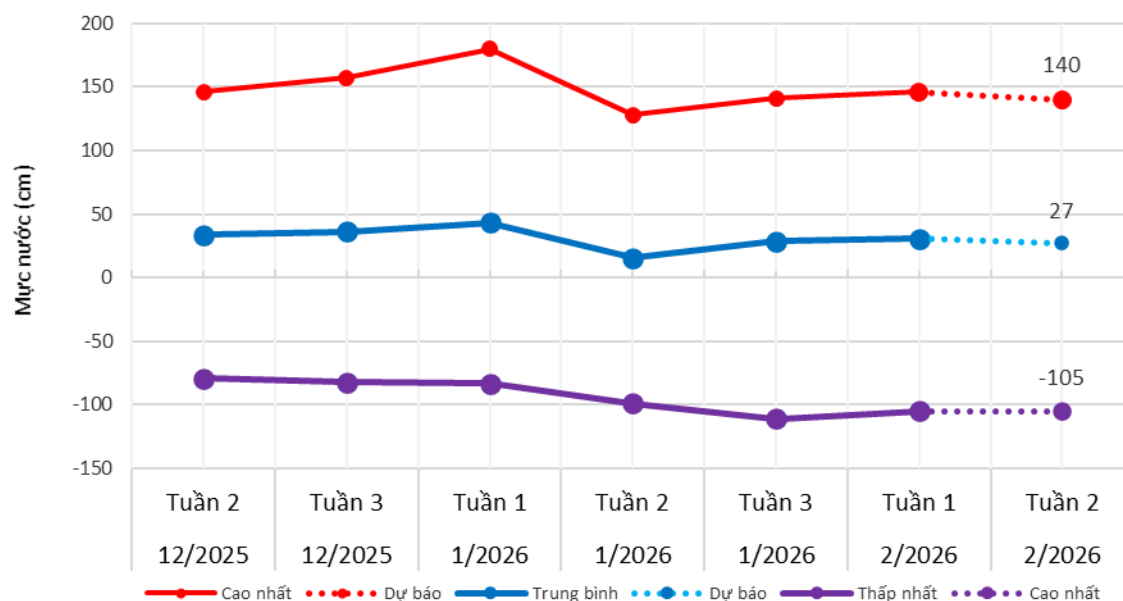
b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 10 ngày tới, thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

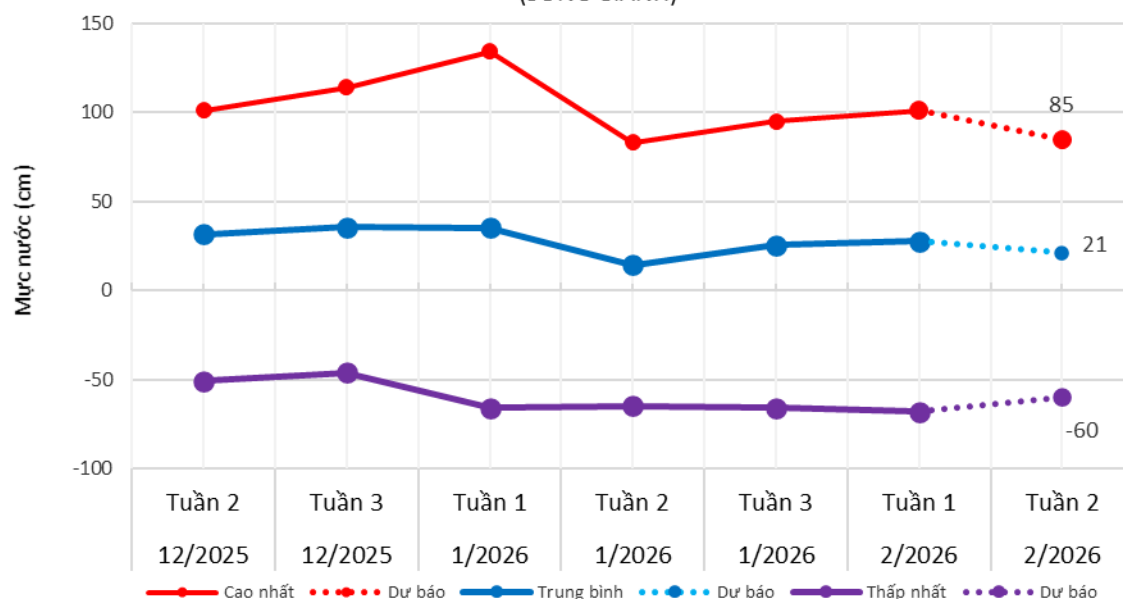
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

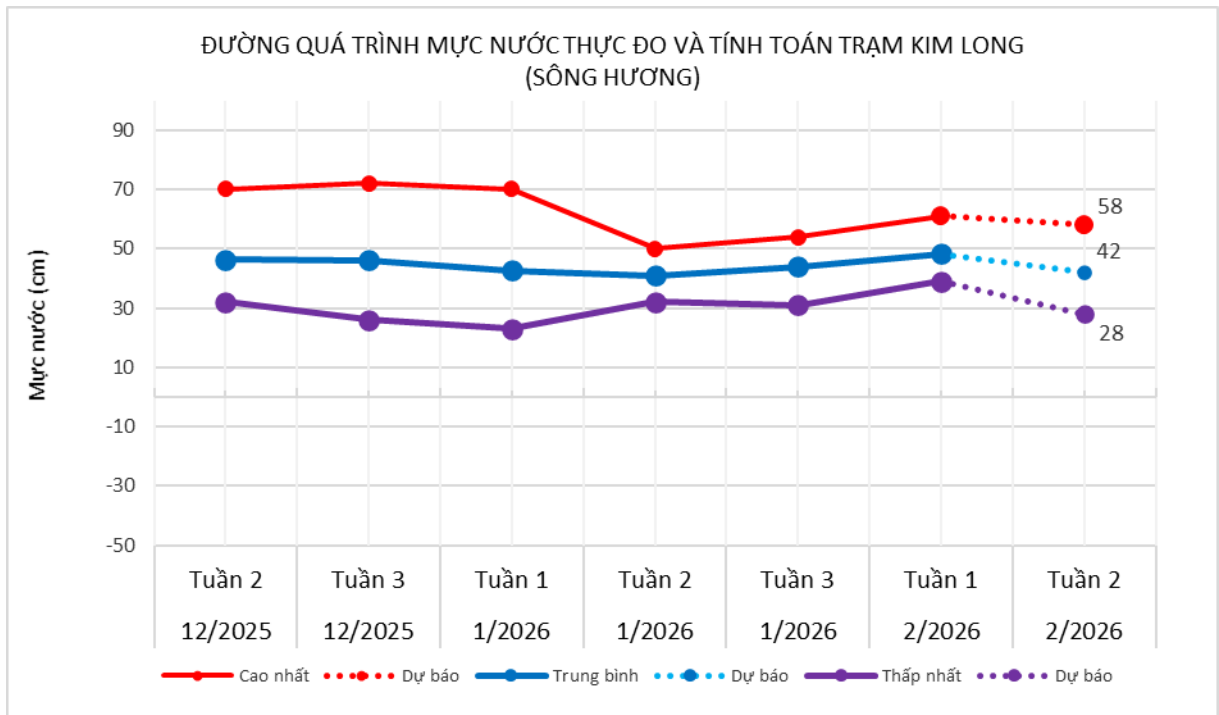


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)





4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

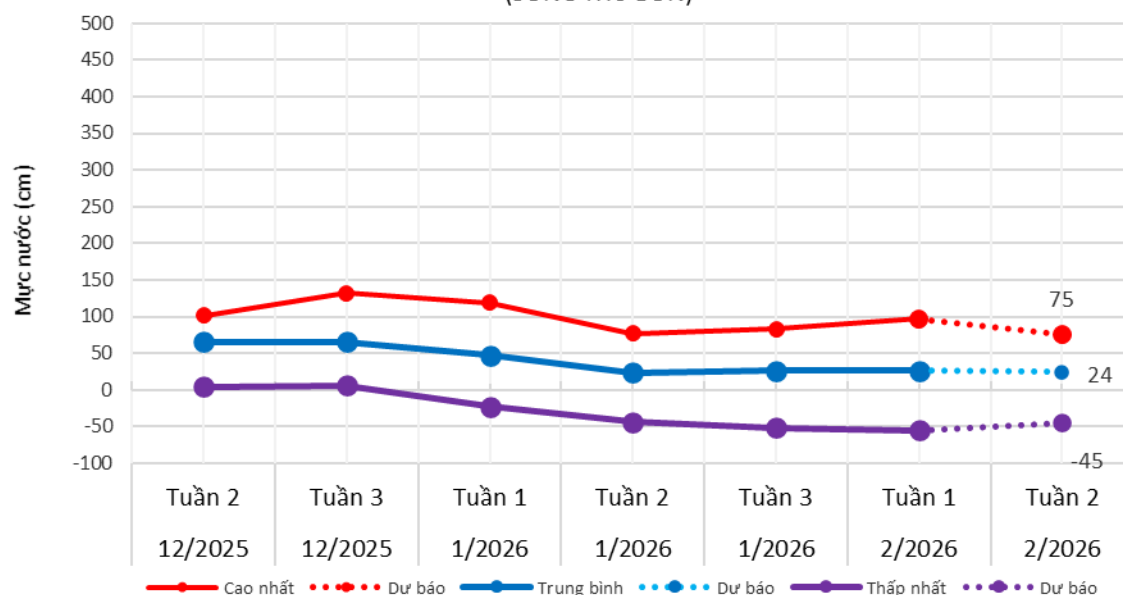
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.
- Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Trong tuần, mức nước trên các sông biến đổi theo xu thế xuống, hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

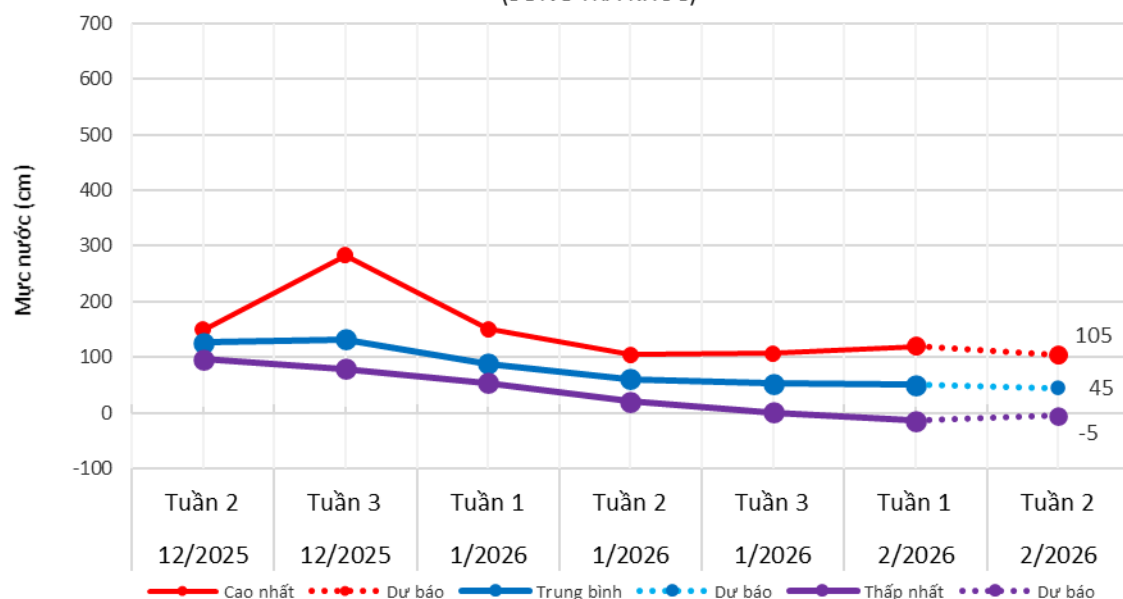
b. Dự báo, cảnh báo

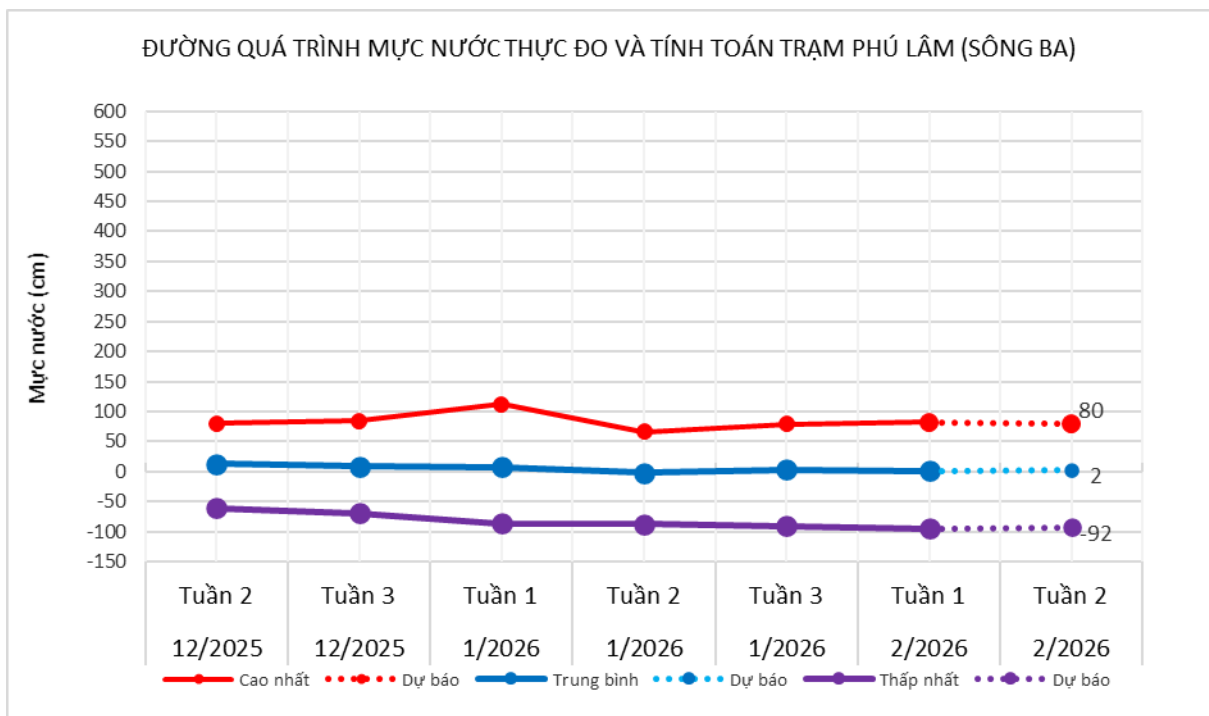
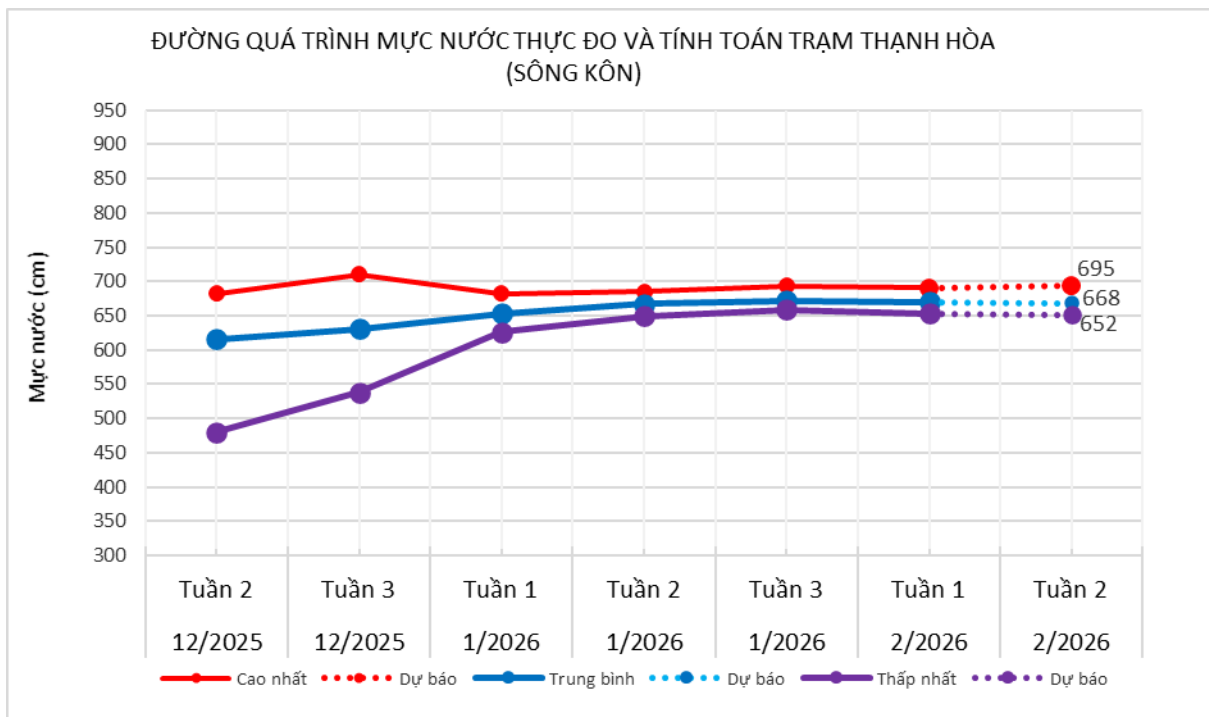
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông phía thượng lưu biến đổi chậm theo xu thế xuống. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM CẦU LÂU
(SÔNG THU BỒN)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TRÀ KHÚC
(SÔNG TRÀ KHÚC)





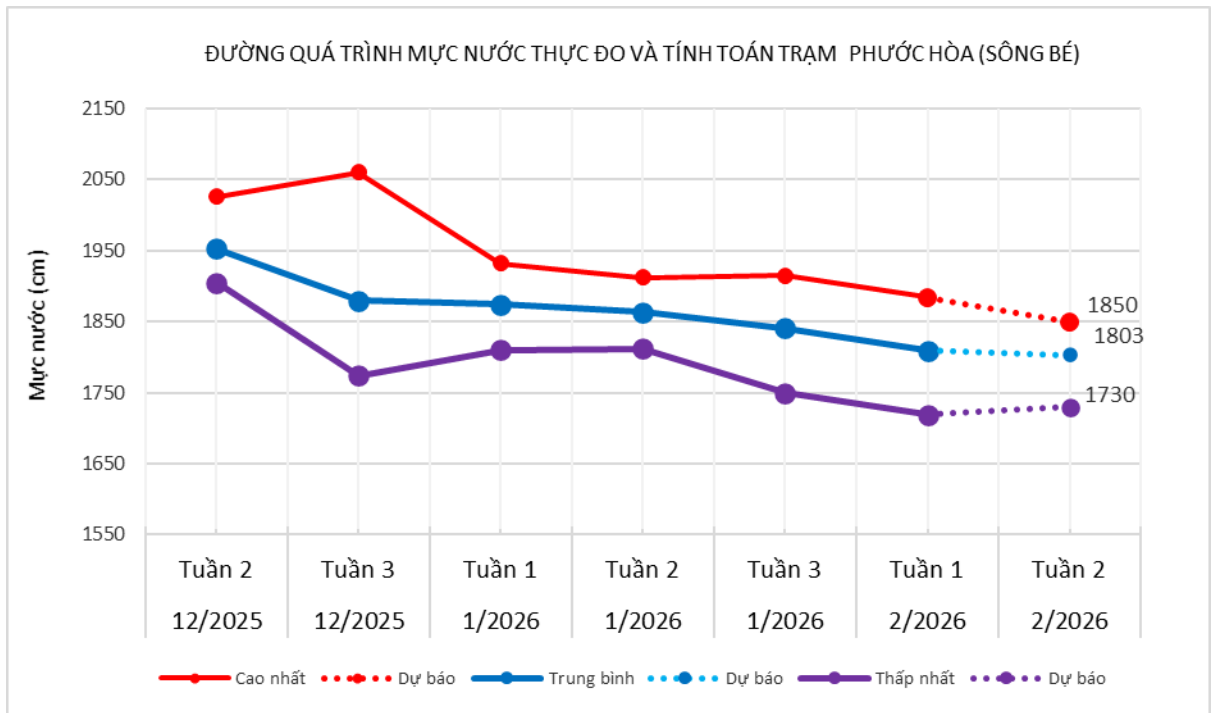
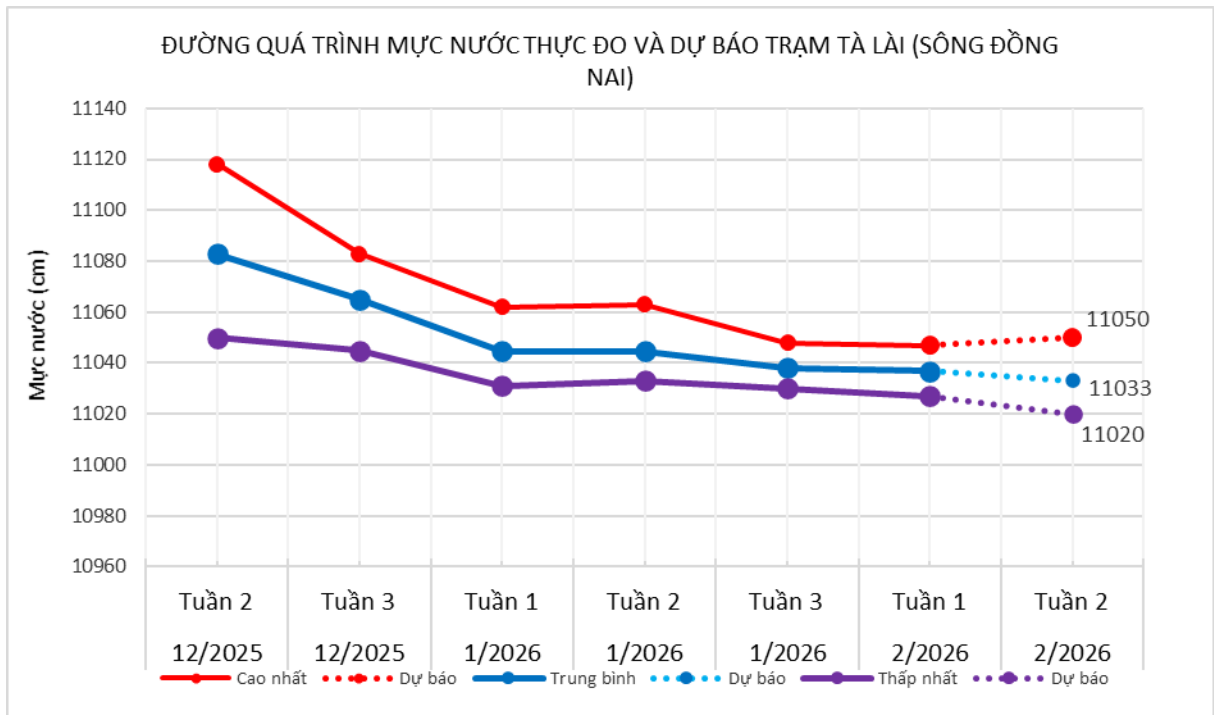
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong 11 ngày qua, mực nước trên sông Đồng Nai biến đổi chậm. Mực nước trên sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

- Mực nước trên sông Đồng Nai tiếp tục biến đổi chậm, Sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



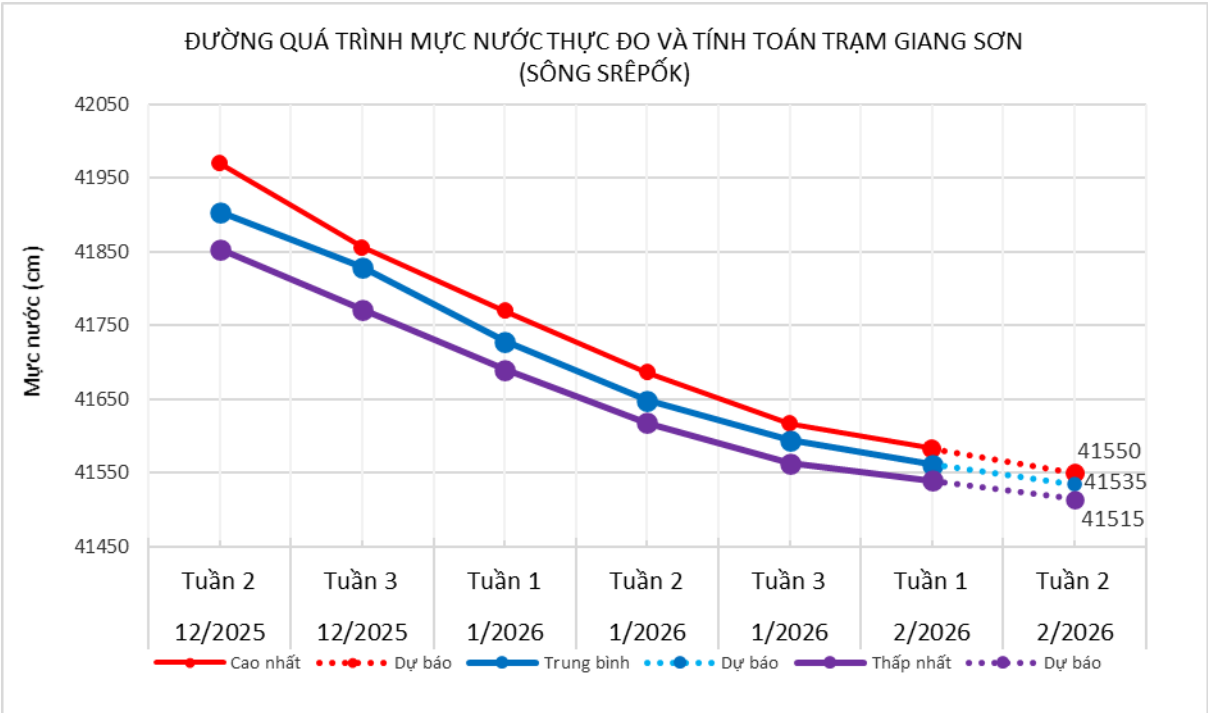
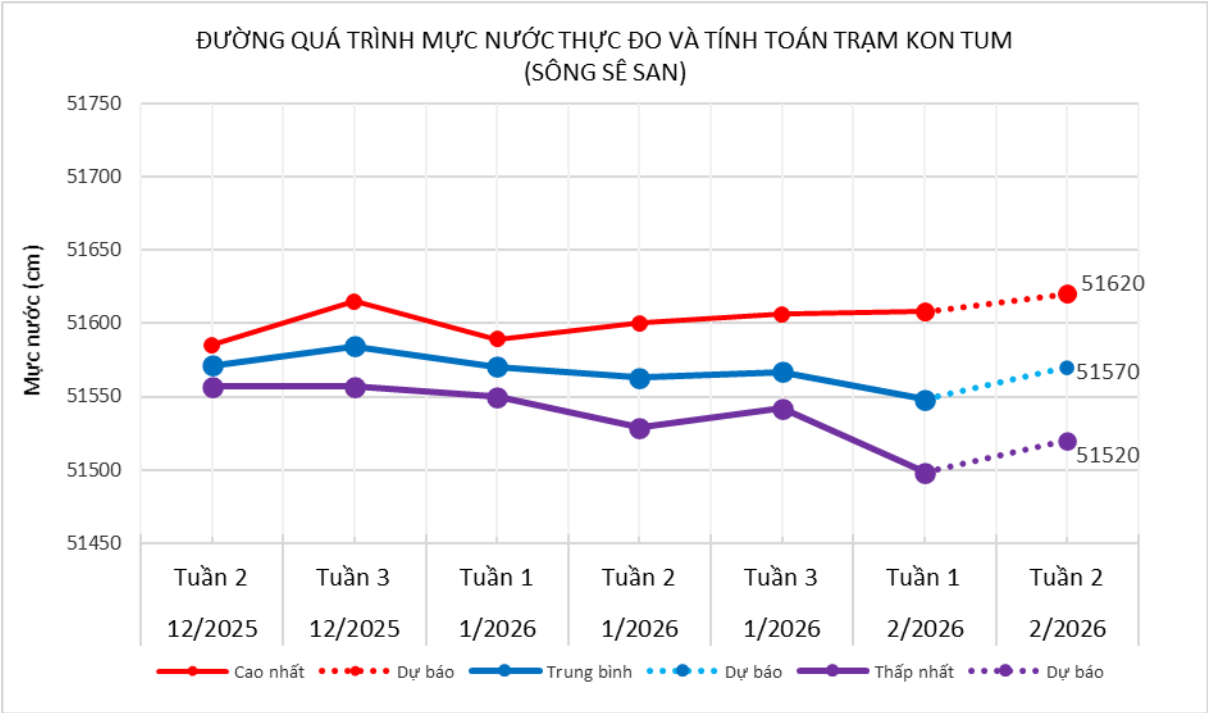
6. Lưu vực sông Mê Công

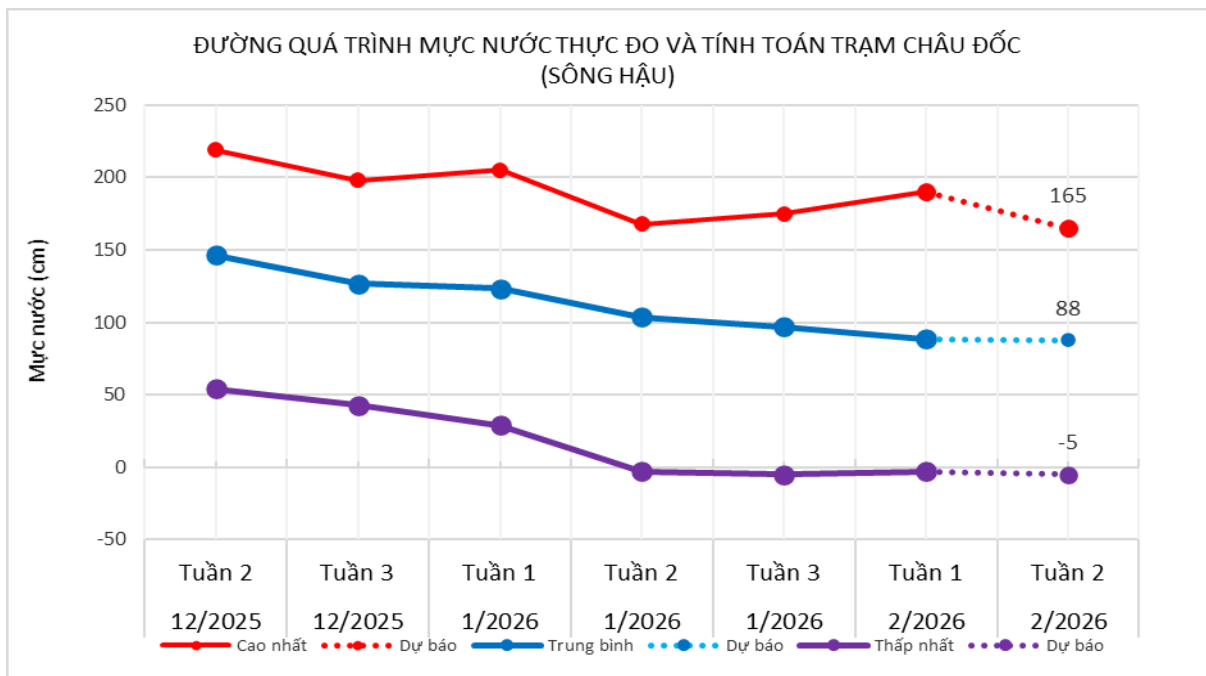
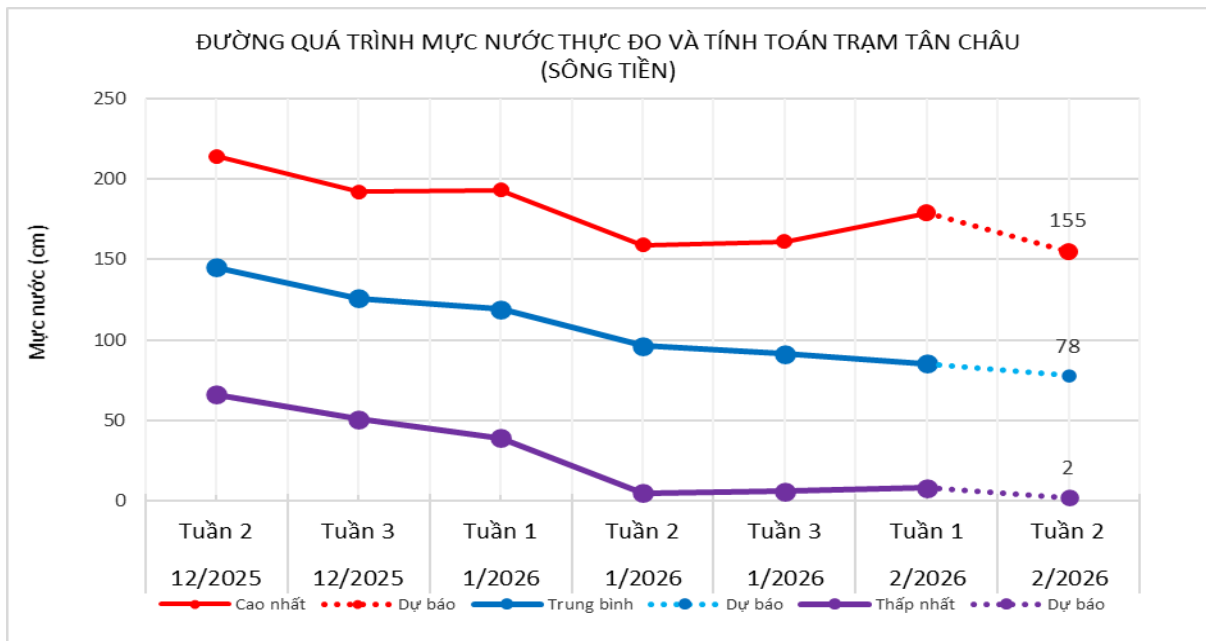
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm, mức nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện.
- Mức nước đầu nguồn sông Cữu Long dao động theo thủy triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiên tại Tân Châu 1,79m (ngày 03/2), trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,9m (ngày 03/2)

b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện, trên sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm theo xu thế xuống dần.
- Mực nước đầu nguồn sông Cũ Long dao động theo triều. Trong 10 ngày tới, mực nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,55m, tại Châu Đốc ở mức 1,65m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước đầu nguồn sông Cũ Long biến đổi theo triều.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 21/02/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	736	2148	40	700	1900	40	660	1850	40	680	1900	40
Thao	Yên Bái	2326	2376	2301	2380	2440	2350	2360	2420	2340	2370	2440	2340
Thao	Phú Thọ	1098	1139	1068	1150	1190	1120	1130	1170	1100	1140	1190	1100
Lô	Tuyên Quang	1280	1454	1155	1265	1360	1150	1255	1350	1135	1260	1360	1135
Lô	Vụ Quang	531	662	430	445	520	425	435	480	420	440	520	420
Cầu	Đáp Cầu	65	140	14	60	145	5	50	140	5	55	145	5
Thương	Phủ Lạng Thương	57	148	-8	50	150	-10	40	145	-20	45	150	-20
Lục Nam	Lục Nam	48	152	-20	45	150	-20	35	150	-30	40	150	-30
Hồng	Hà Nội	120	224	48	110	180	55	100	170	50	105	180	50
Thái Bình	Phả Lại	59	163	-6	70	165	-10	50	160	-20	60	165	-20
Mã	Giàng	50	193	-103	38	175	-95	42	185	-80	40	185	-95
Cả	Nam Đàn	53	150	-58	48	125	-45	52	145	-55	50	145	-55
La	Linh cảm	32	146	-105	25	130	-95	29	140	-100	27	140	-105
Gianh	Mai Hóa	28	101	-68	25	75	-55	16	85	-60	21	85	-60

Hương	Kim Long	48	61	39	44	58	30	40	52	28	42	58	28
Thu Bồn	Câu Lâu	30	97	-55	26	70	-40	22	75	-45	24	75	-45
Trà Khúc	Trà Khúc	49	119	-14	48	105	5	42	95	-5	45	105	-5
Kôn	Thanh Hòa	670	691	653	670	695	655	665	695	652	668	695	652
Đà Nẵng	Phú Lâm	2	83	-95	2	80	-92	1	75	-90	2	80	-92
Đăkbla	Kon Tum	51548	51608	51498	51575	51620	51540	51565	51600	51520	51570	51620	51520
Krông Ana	Giang Sơn	41562	41583	41540	41540	41550	41530	41530	41540	41515	41535	41550	41515
Đồng Nai	Tà Lài	11037	11047	11027	11035	11050	11025	11030	11045	11020	11033	11050	11020
Bé	Phước Hòa	1811	1884	1719	1805	1850	1740	1800	1840	1730	1803	1850	1730
Tiền	Tân Châu	90	179	8	75	135	7	80	155	2	78	155	2
Hậu	Châu Đốc	99	190	-3	85	150	4	90	165	-5	88	165	-5